

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC MÊ  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 3 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Mạnh Nô.

Ông Nguyễn Văn Ái.

***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê tham gia phiên tòa:*** Bà Bàn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Thào Chiu C; Sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Lâu Thị S; Sinh năm 1976; nơi cư trú cuối cùng trước khi Tòa án ra quyết định tuyên bố một người mất tích: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện viết ngày 07/12/2020, bản tự khai, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa anh Thào Chiu C trình bày: Anh C và chị Lâu Thị S xây dựng gia đình với nhau không được tìm hiểu nhau do bố mẹ hai bên hỏi cho nên anh và chị đồng thuận nhất trí lấy nhau, không bên nào ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau đó vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh C tại Thôn C, xã P, huyện B, đến ngày 28/11/2006 vợ chồng đến UBND xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống thương yêu giúp đỡ nhau không có mâu thuẫn gì. Đến ngày 13/4/2018 anh C đi thanh minh trên huyện Đ, tỉnh Hà Giang, khi về đến nhà thấy các con nói mẹ đi lấy mảng bên bà ngoại là Ly Thị M ở thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang, nhưng không thấy về anh C đi hỏi bà ngoại nói là không thấy đến nhà, sau đó đi tìm vợ qua những người quen biết ở huyện Đ, huyện Y, huyện Q thuộc tỉnh Hà Giang không có kết quả, vợ Lâu Thị S bỏ nhà đi đâu không ai biết, từ đó không có thông tin liên về gia đình. Nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự tuyên bố chị

Lầu Thị S mất tích. Đến ngày 13/10/2020 Tòa án huyện B mở phiên họp ra quyết định số 02/2020/QĐST-VDS Tuyên bố một người mất tích đối với chị Lầu Thị S, sinh năm 1976; Nơi cư trú trước khi biệt tích: Thôn C, xã P, huyện B. Nay quyết định có hiệu lực pháp luật anh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lầu Thị S. Mức thu nhập làm ruộng và buôn bán thêm mỗi tháng khoảng 10.000.000đ (Mười triệu đồng) ngoài ra không có thu nhập thêm gì.

Quá trình vợ, chồng chung sống có 06 con chung: Thào Thị M, sinh năm 1995; Thào Thị S, sinh năm 1997; Thào Thị S1, sinh năm 1999; Thào Thị D, sinh năm 2001; Thào Thị G, sinh ngày 10/3/2003; Thào Mí S, sinh ngày 06/02/2005 hiện đang học lớp 10A1 trường THPT Bắc Mê; Về tài sản chung sống cùng bố mẹ, không mua sắm tài sản gì.

Nay tôi đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với chị Lầu Thị S; Về con chung: Cháu Thào Thị M; Thào Thị S; Thào Thị S1; Thào Thị D; Thào Thị G trên 18 tuổi không yêu cầu giải quyết; Nguyên vọng sau khi ly hôn được quyền nuôi cháu Thào Mí S, sinh ngày 06/02/2005. Không yêu cầu chị Lầu Thị S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công nợ của vợ chồng: Không có không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Thào Mí S hiện nay mẹ không ở nhà và ở đâu cháu không biết, nếu bố ly hôn thì nguyên vọng cháu xin được ở với bố đẻ Thào Chìu C.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã P, huyện B cho biết hiện nay chị Lầu Thị S không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật và quyết định giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn anh Thào Chìu C chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, từ khi thụ ý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56; 57, 58, 81 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thào Chìu C được ly hôn chị Lầu Thị S; về nuôi con chung: Giao cho anh Thào Chìu C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Thào Mí S đến khi đủ 18 tuổi; về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét về án phí: Anh C chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 13/10/2020 Tòa án huyện B mở phiên họp ra quyết định tuyên bố chị Lầu Thị S mất tích, nên thuộc trường hợp không hòa giải được theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, mặt khác Tòa án đã niêm yết công khai văn bản tố tụng theo khoản 2 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và xác minh nơi cư trú chị S không có mặt tại địa phương. Do đó nhận thấy tại phiên tòa vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại thời điểm thụ lý vụ án bị đơn chị Lầu Thị S có nơi cư trú tại huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Thào Chừ C với chị Lầu Thị S có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân khoảng tháng 4/2018 chị S bỏ đi đâu không có lý do, không nói cho anh C biết, không thấy về nhà anh C đã đi tìm kiếm nhiều nơi không có kết quả, không thấy chị S về nhà anh C làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị S mất tích. Đến ngày 13/10/2020 Tòa án mở phiên họp “Tuyên bố một người mất tích đối với chị Lầu Thị S” theo quyết định số 02/2020/QĐST-VDS của Tòa án huyện B.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị S thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh C đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn thuộc **“trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”**. Hội đồng xét xử xét, xét thấy căn cứ Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh C được ly hôn với chị S.

[4] Về con chung: Anh C với chị S chung sống có 06 con chung Thào Thị M; Thào Thị S; Thào Thị S1; Thào Thị D; Thào Thị G tại thời điểm xét xử các con trên 18 tuổi không yêu cầu giải quyết; Riêng đối với cháu Thào Mí S, sinh ngày 06/02/2005 hiện đang ở với anh C ổn định, việc chị S là mẹ đẻ hiện nay không biết địa chỉ ở đâu, ngoài ra nguyện vọng cháu Thào Mí S xin được ở với anh C. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét thấy giao cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thào Mí S là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với chị S bị Tòa án tuyên bố mất tích và anh C không yêu cầu về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh C chịu tiền án phí theo quy định pháp của luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thào Chừu C, xử cho anh Thào Chừu C được ly hôn chị Lâu Thị S.

2. Về nuôi con chung: Giao cho Thào Chừu C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Thào Mí S, sinh ngày 06/02/2005 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Lâu Thị S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi chung.

Sau khi ly hôn chị Lâu Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, việc nuôi con và không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con không cố định.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Thào Chừu C chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm anh Thào Chừu C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 04505 ngày 15/01/2021. Chị Lâu Thị S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã P, huyện B, tỉnh Hà Hà Giang.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh, huyện B;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Dương Văn Công**